

Số: 39 BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

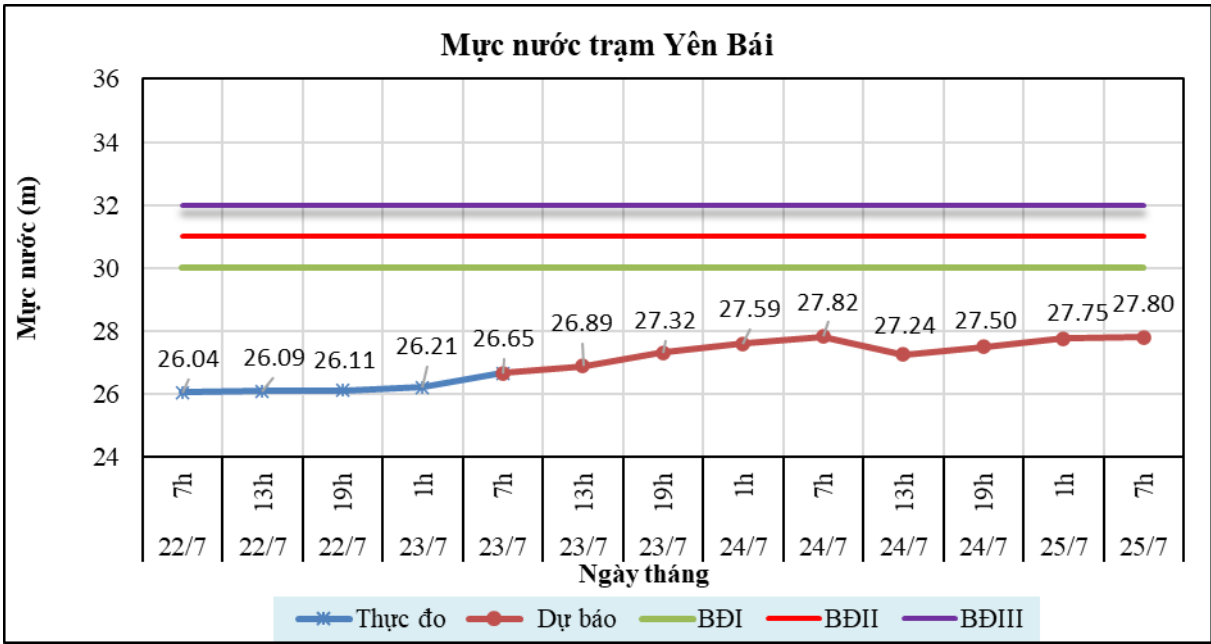
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

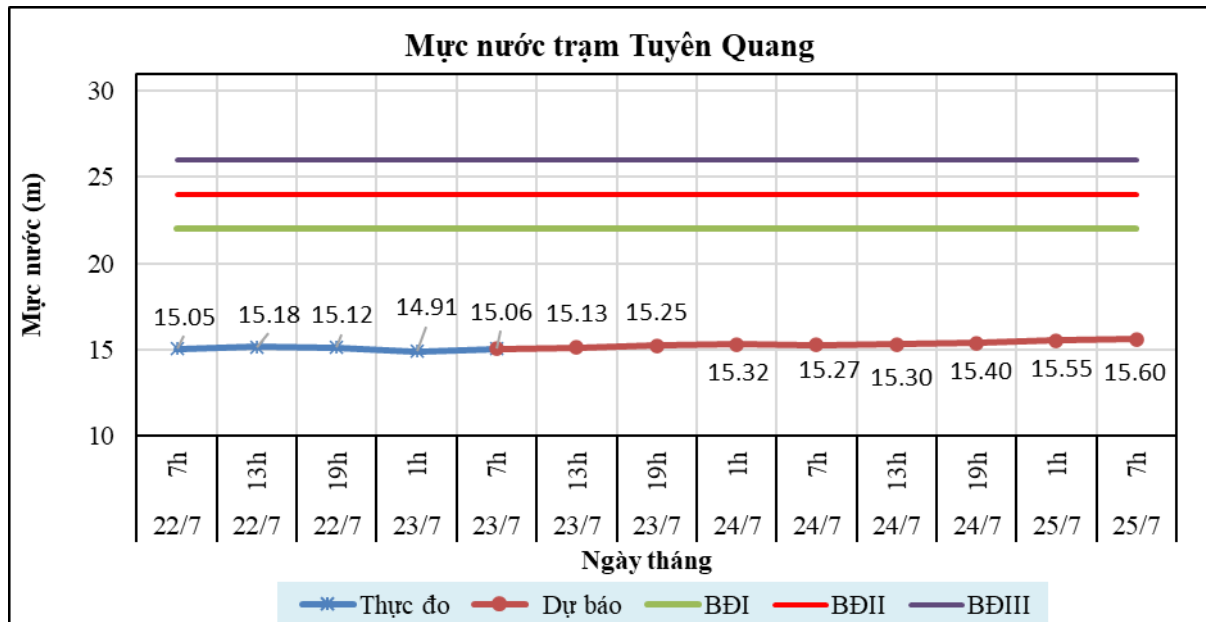
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

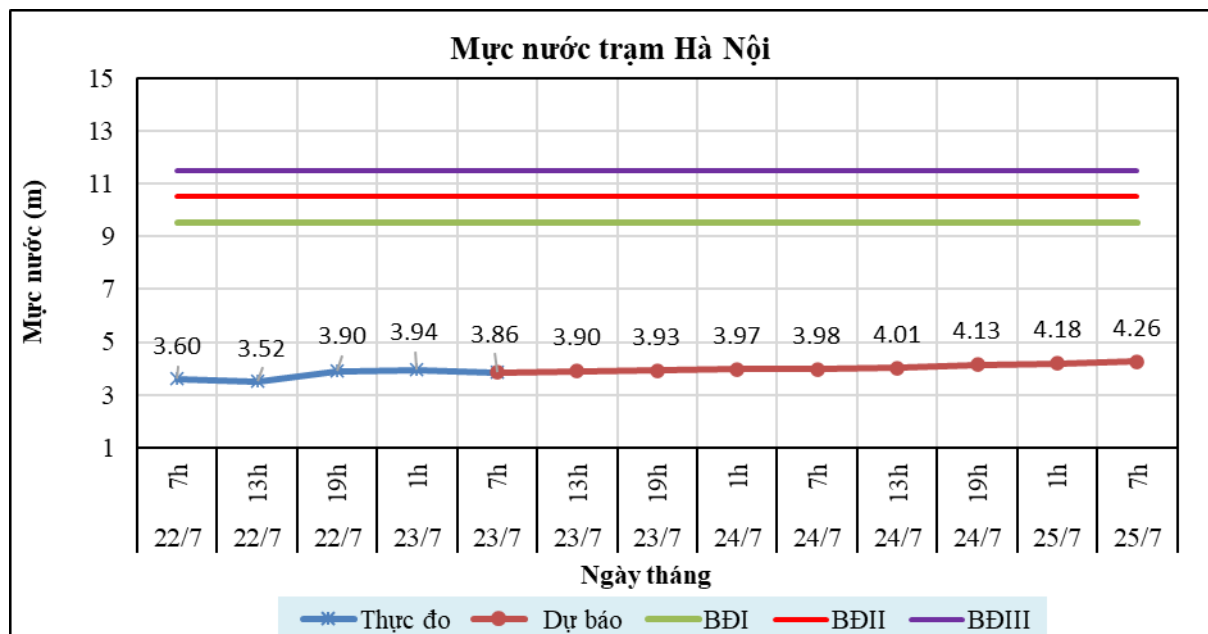
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

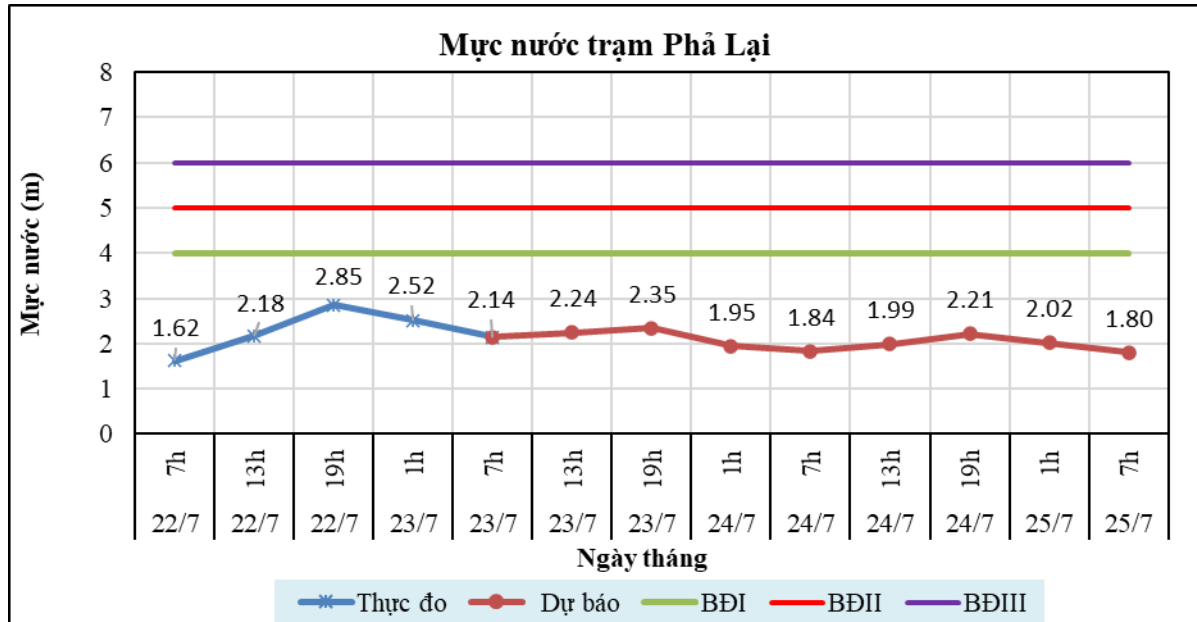
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

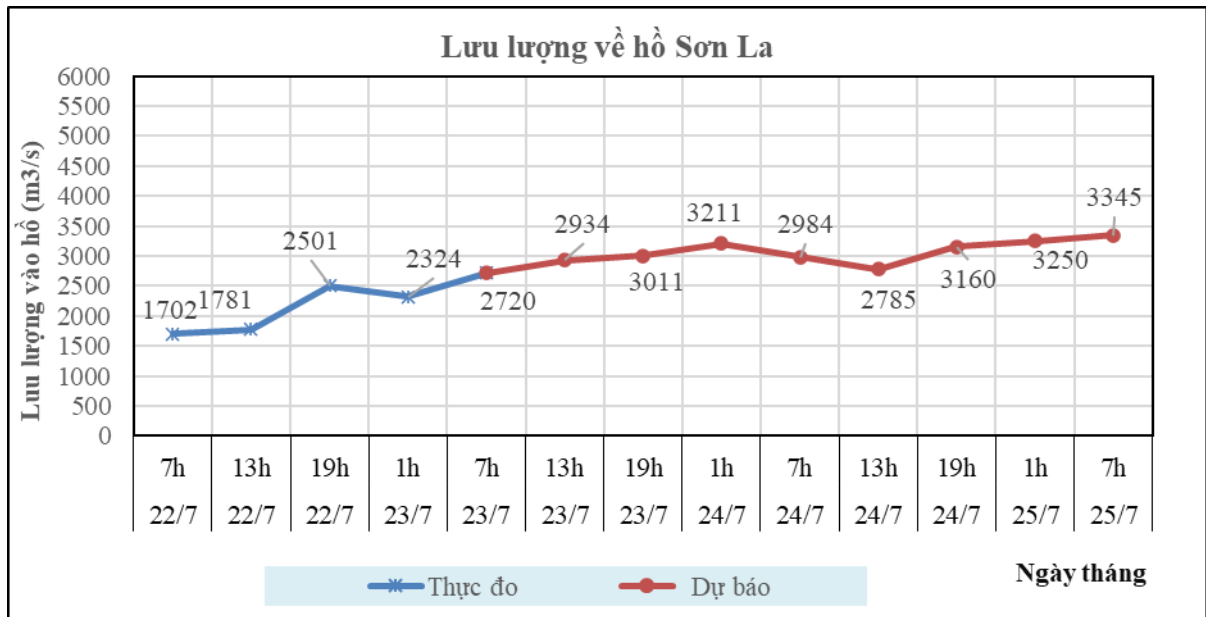
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

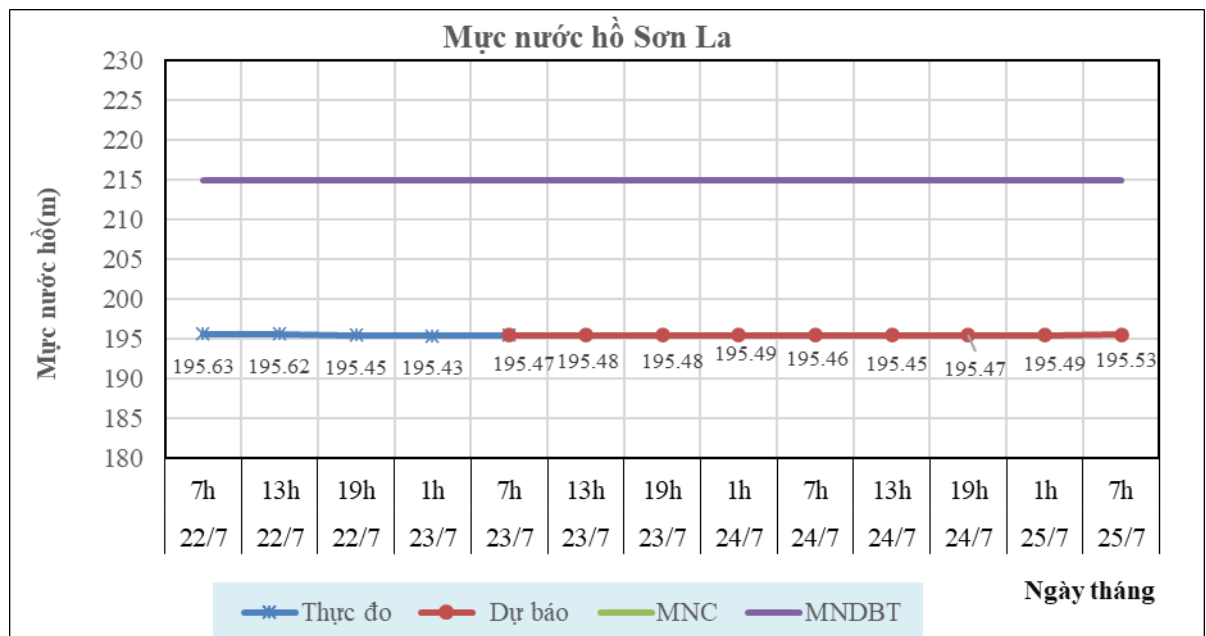
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 23/07/2025 đạt 2720m³/s, mực nước hồ đạt 195.47m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 2984m³/s, mực nước hồ 195.46m, 48h tới lưu lượng đạt 3345m³/s, mực nước đạt 195.53m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

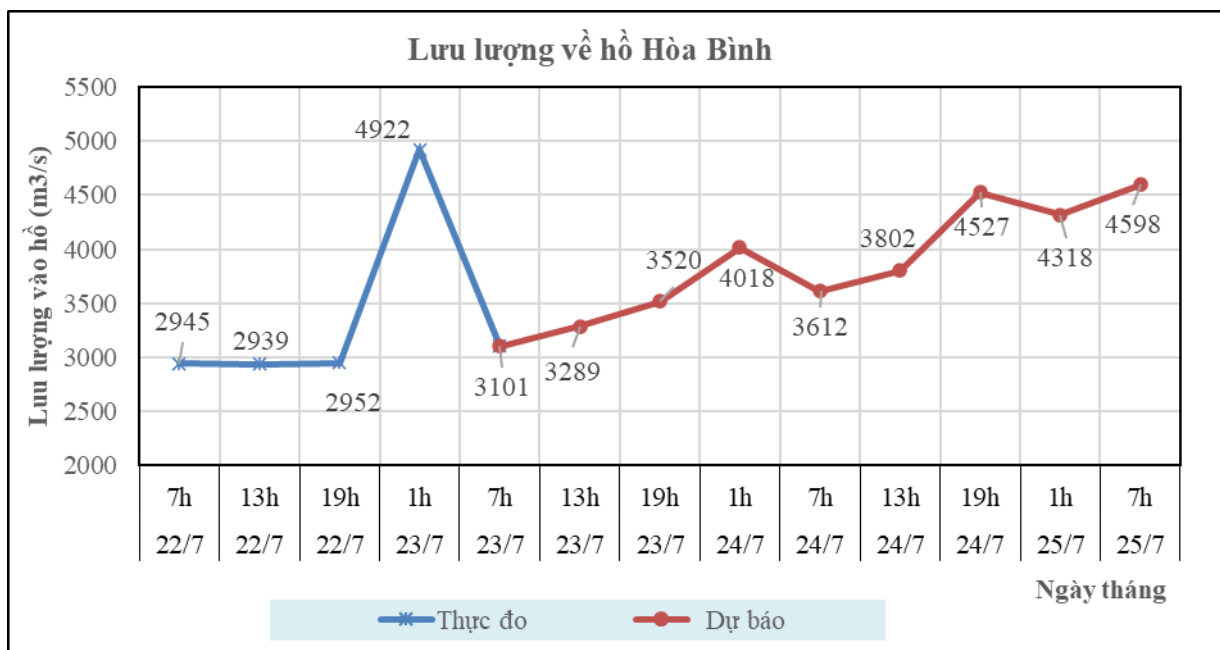
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

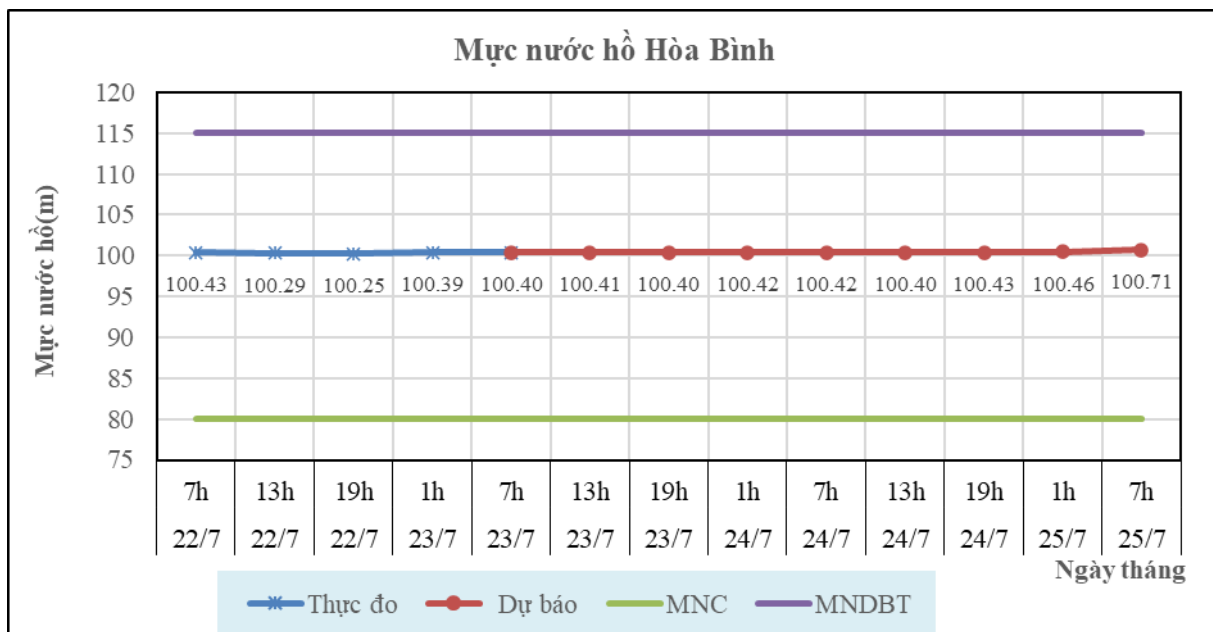
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 23/07/2025 đạt 3101m³/s, mực nước hồ đạt 100.4m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 3612m³/s, mực nước hồ 100.42m, 48h tới lưu lượng đạt 4598m³/s, mực nước đạt 100.71m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

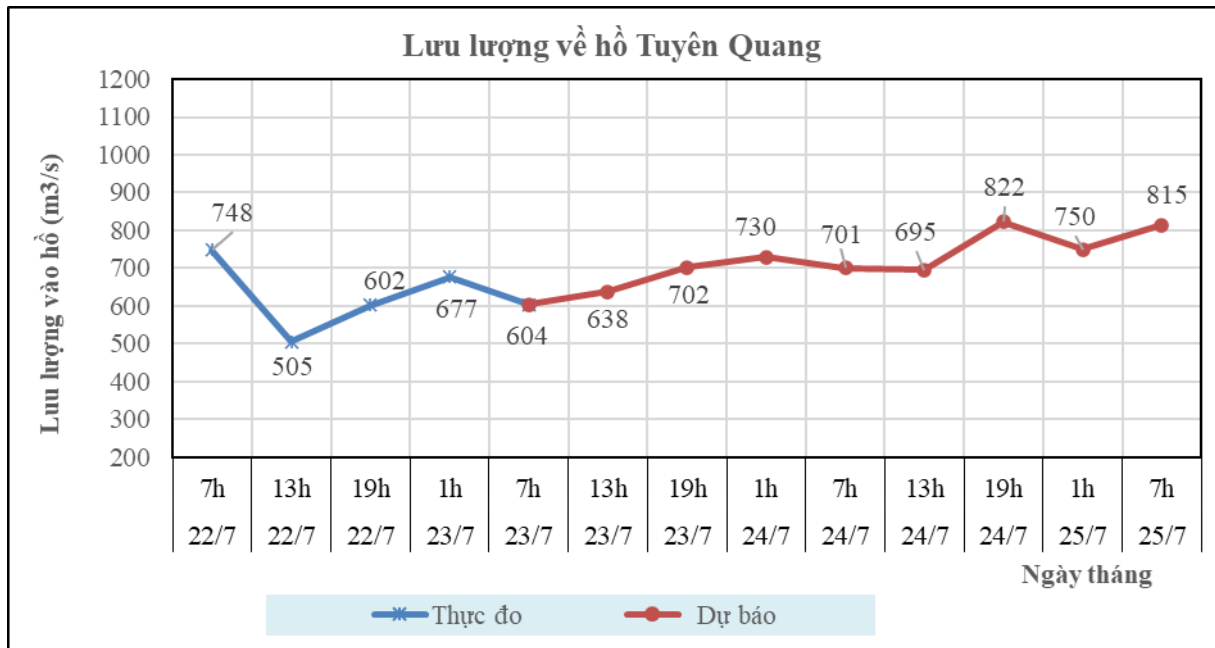
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

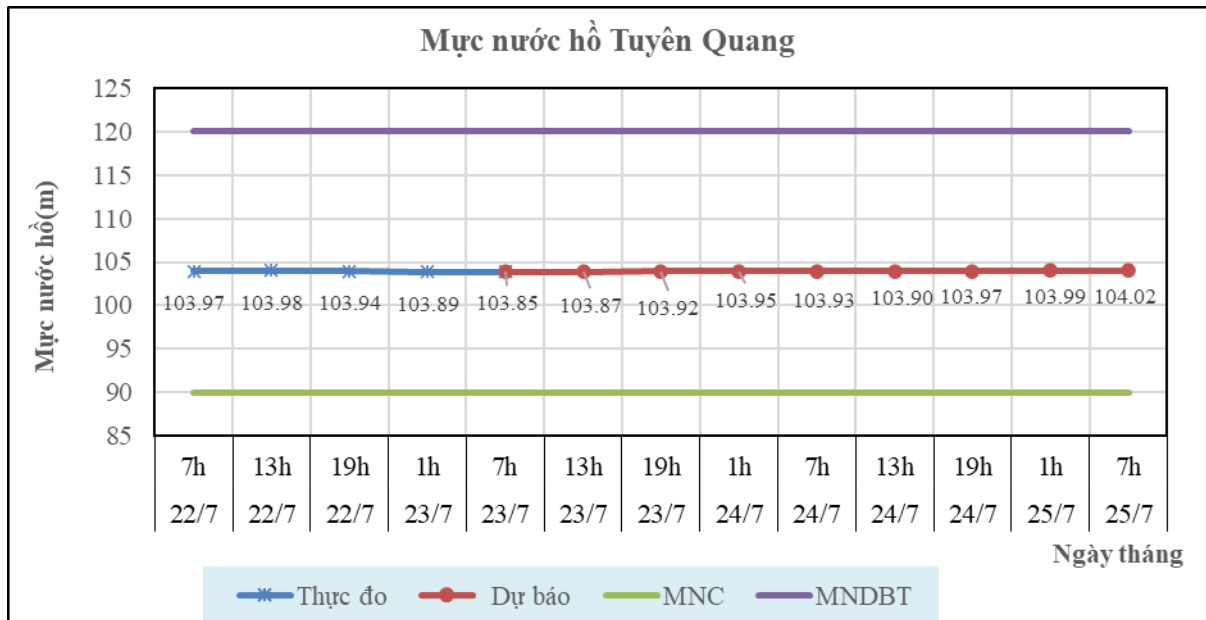
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 23/07/2025 đạt 604m³/s, mực nước hồ đạt 103.85m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 701m³/s, mực nước hồ 103.93m, 48h tới lưu lượng đạt 815m³/s, mực nước đạt 104.02m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

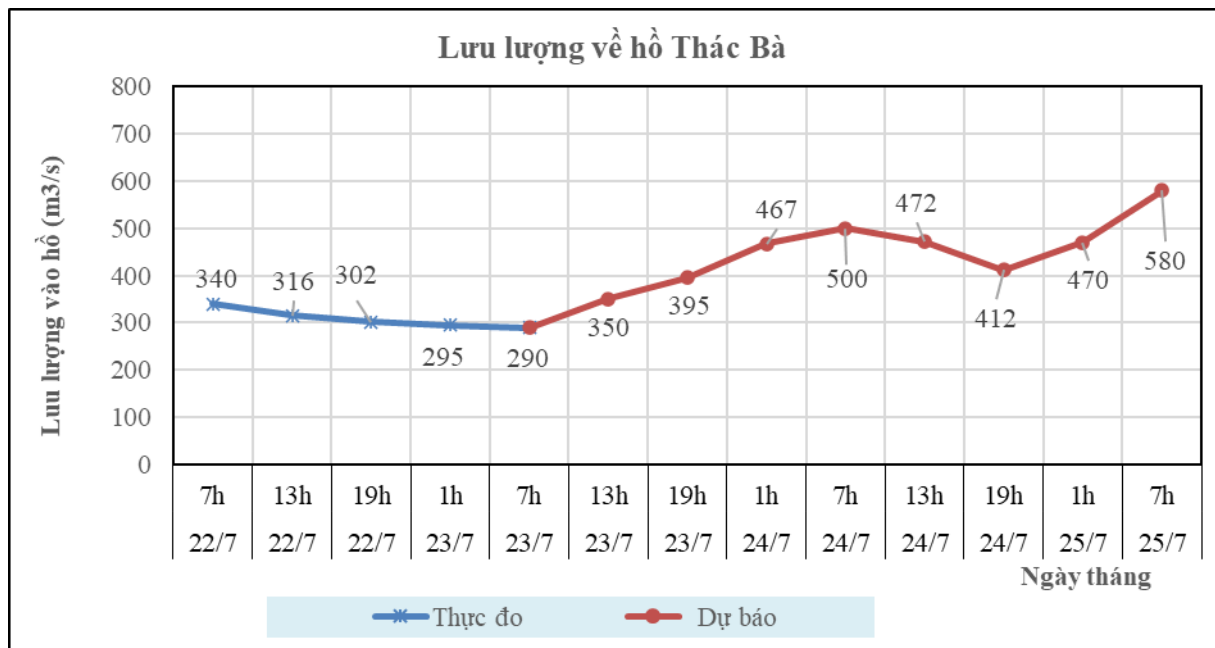
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

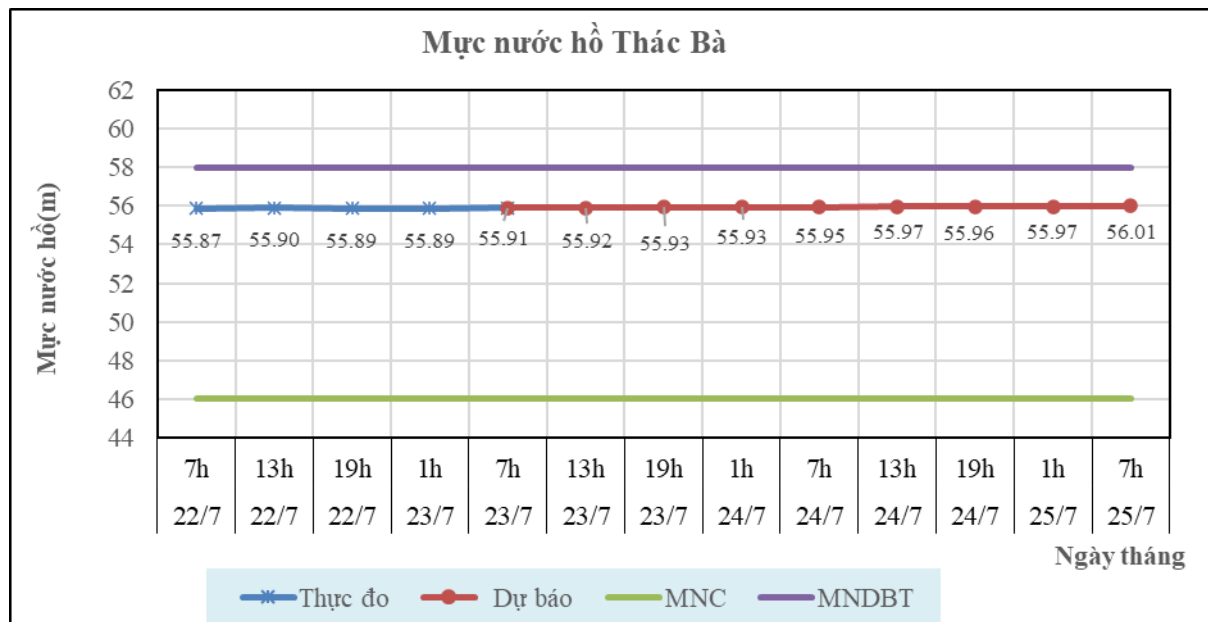
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 23/07/2025 đạt 290m³/s, mực nước hồ đạt 55.91m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 500m³/s, mực nước hồ 55.95m, 48h tới lưu lượng đạt 580m³/s, mực nước đạt 56.01m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)
1	7/23/2025	13h	0	0	2934	2900	195.48	1	0	3289	3935	100.41	0	0	638	744	103.87	0	0	350	400	55.92
2		19h	0	0	3011	3120	195.48	1	0	3520	3940	100.40	0	0	702	744	103.92	0	0	395	420	55.93
3	7/24/2025	1h	0	0	3211	3150	195.49	1	0	4018	3940	100.42	0	0	730	745	103.95	0	0	467	300	55.93
4		7h	0	0	2984	3150	195.46	1	0	3612	3932	100.42	0	0	701	750	103.93	0	0	500	420	55.95
5		13h	0	0	2785	3100	195.45	1	0	3802	3940	100.40	0	0	695	743	103.90	0	0	472	300	55.97
6		19h	0	0	3160	3100	195.47	1	0	4527	3942	100.43	0	0	822	750	103.97	0	0	412	400	55.96
7	7/25/2025	1h	0	0	3250	3150	195.49	1	0	4318	3940	100.46	0	0	750	750	103.99	0	0	470	450	55.97
8		7h	0	0	3345	3200	195.53	1	0	4598	3950	100.71	0	0	815	750	104.02	0	0	580	450	56.01